

Bản án số: 131/2024/HS-ST
Ngày: 30 - 5 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Văn Tuyền

2/ Ông Võ Thanh Nhân

Thư ký phiên toà: Bà Châu Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Trịnh Thị Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại Phòng xét xử hình sự thuộc Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 132/2024/TLST - HS ngày 17/4/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2024/QĐXXST – HS ngày 09/5/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lưu Văn Q (tên gọi khác: E), sinh ngày 01/01/2003, tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; hộ khẩu thường trú: Không nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Họ và tên cha: (không rõ); họ và tên mẹ: Lưu Thị H (đã chết); hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2023 (có mặt).

2. Họ và tên: Phạm Văn T, sinh ngày 25/3/2003, tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; hộ khẩu thường trú: B5, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Nhà không số thuộc tổ C, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Họ và tên cha: Phạm Văn Đ; họ và tên mẹ: Lê Thị V; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2023 (có mặt).

Bị hại: Ông Vũ Văn G, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 26 đường V, ấp E, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cùng trú tại: FC tổ G, ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Bùi Mai Gia H1, sinh năm: 2006 (vắng mặt).

Nơi cư trú: B9 tổ J, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Phạm Ngọc Thế L, sinh năm 2002 (vắng mặt).

Nơi cư trú: F7, tổ I, ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lưu Văn Q, Phạm Văn T, Bùi Mai Gia H1 và Trần Minh K có mối quan hệ là bạn bè. Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 02/8/2023, Q, T và H1 đến nhà của K tại địa chỉ A2/34, tổ 6, ấp 1, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh để chơi nhưng không gặp được K. Tại nhà K, Q rủ T đi cướp giật tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, T đồng ý. Lúc này, Q hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 59N3-618.58 của H1 nói là để đi mua đồ, H1 đồng ý. Q điều khiển xe chở T chạy lòng vòng trên các tuyến đường thuộc xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh tìm tài sản sơ hở của người đi đường để cướp giật.

Khi cả hai đến đường Nguyễn Thị Lê trước nhà không số thuộc tổ 1, ấp 2, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh thì Q phát hiện ông Vũ Văn G đang dừng xe máy điện bên chiều đường ngược lại, trên tay ông G có cầm chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu vàng. Q ra hiệu và hỏi T “Giật không?” thì T trả lời “Giật”. Q điều khiển xe di chuyển qua khỏi vị trí của ông G rồi vòng ngược lại từ phía sau chạy tới áp sát bên trái ông G để T ngồi sau dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại di động của ông G. Giật xong, Q nhanh chóng tăng ga chở T tẩu thoát quay về nhà của K. Đến nơi, Q trả xe cho H1 để H1 đi về nhà, còn Q và T ở lại nhà K chơi.

Tại đây, Q hẹn gặp P (không rõ lai lịch) rồi đưa cho P chiếc điện thoại di động vừa cướp giật được kêu P đi bán giúp. P đem điện thoại mang đi một lúc và quay lại nói với Q bán điện thoại được 4.000.000 đồng. Q lấy tiền rồi chia cho T và Q mỗi người 1.500.000 đồng tiêu xài cá nhân hết; Q cho P 500.000 đồng, còn lại 500.000 đồng Q đưa P đi mua ma túy về chia nhau sử dụng. Đối với số tiền 1.500.000 đồng của Q có được từ việc chia tiền bán điện thoại, Q đưa cho một người tên T2 (không rõ lai lịch) 800.000 đồng nhờ T2 đi chuộc điện thoại

Samsung A20 màu xanh của Q đã cầm trước đó tại tiệm cầm đồ Quốc Bảo địa chỉ F7/7C tổ 10, ấp 6, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, số tiền 700.000 đồng còn lại Q đã tiêu xài hết. Đối với số tiền 1.500.000 đồng của T có được từ việc chia tiền bán điện thoại, T cũng đã tiêu xài hết.

Sau khi bị cướp giật điện thoại di động, ông Vũ Văn G đến trình báo Công an xã Vĩnh Lộc A. Qua truy xét đã đưa Lưu Văn Q, Phạm Văn T, Bùi Mai Gia H1, Trần Minh K về trụ sở làm việc, lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh điều tra, xử lý.

Kết luận định giá tài sản số 910/KL-HĐĐGTS ngày 11/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Bình Chánh xác định chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu vàng trị giá 9.500.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh, Lưu Văn Q và Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm như đã nêu trên, lời khai của Q và T phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng thu giữ của vụ án:

- 02 USB chứa video ghi nhận hình ảnh liên quan vụ cướp giật tài sản do Q và T thực hiện, được lưu giữ cùng hồ sơ vụ án;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc biển số 59N3-618.58 do Bùi Mai Gia H1 đứng tên chủ sở hữu, H1 không biết việc Q mượn xe đi cướp giật tài sản nên Cơ quan điều tra đã giao trả xe cho H1 (Bút lục 196-197);

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A20 (đã qua sử dụng) thu giữ của Lưu Văn Q và số tiền 800.000 đồng do ông Nguyễn Thanh T1 là quản lý tiệm cầm đồ Quốc Bảo giao nộp, đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh tạm giữ, chờ xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 140/CT – VKS - BC ngày 15 tháng 4 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Lưu Văn Q, Phạm Văn T về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa các bị cáo Lưu Văn Q, Phạm Văn T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh truy tố các bị cáo. Các bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố sau khi nêu tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất của vụ án những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị:

Xử phạt bị cáo Lưu Văn Q từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại và xử lý vật chứng theo quy định.

Bị hại ông Vũ Văn G yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000 đồng là giá trị chiếc điện thoại các bị cáo chiếm đoạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Chánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các bị cáo trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Lưu Văn Q, Phạm Văn T tại tòa là phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra (BL: 141 – 160, 172 – 186); phù hợp với lời khai của các bị hại ông Vũ Văn G (BL: 92 – 100); phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phạm Ngọc Thế L (BL: 120 – 122) phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như Biên bản lấy lời khai, Bản ảnh hiện trường; thu giữ vật chứng, kết quả định giá tài sản, cùng các chứng cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 14 giờ 30 ngày 02/8/2023, các bị cáo Lưu Văn Q, Phạm Văn T có hành vi cướp giật 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu vàng có giá trị 9.500.000 đồng của ông Vũ Văn G trước trước nhà không số thuộc tổ 1, ấp 2, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo kết quả định giá tài sản số 910/KL-HĐĐGTS ngày 11/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Bình Chánh) rồi nhanh chóng tẩu thoát. Sau đó các bị cáo mang điện thoại đi bán được 4.000.000 đồng chia nhau tiêu xài các nhân hết, qua truy xét mới bắt giữ được các bị cáo.

Với những tình tiết được chứng minh trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lưu Văn Q, Phạm Văn T đã phạm tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm được quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); nên Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đã truy tố các bị cáo với tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội.

[3] Tội phạm các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Các bị cáo phạm tội

với lỗi cố ý, mục đích phạm tội là muốn có tiền tiêu xài cho bản thân mà không chịu bỏ công sức ra lao động chân chính. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng bản tính tham lam, biếng lười lao động, muốn có tiền tiêu xài cho bản thân nên đã cố ý phạm tội. Do đó, khi lượng hình cần buộc các bị cáo phải tiếp tục chấp hành hình phạt tù có thời hạn một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, không có sự phân công, cấu kết chặt chẽ nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Tuy nhiên, trong đó bị cáo Q giữ vai trò chính, chủ mưu, rủ rê là người điều khiển xe; bị cáo T khi được bị cáo Q rủ là đi cướp giật là đồng ý ngay, bị cáo T là người trực tiếp giật điện thoại của bị hại; cả hai bị cáo được hưởng lợi ngang nhau. Do đó, khi lượng hình mức án của bị cáo Q sẽ cao hơn bị cáo T là phù hợp với vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo.

[5] Các bị cáo dùng xe mô tô làm phương tiện phạm tội thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm là tình tiết định khung hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử các bị cáo và có mức án nghiêm khắc.

[6] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự. Hội đồng xét xử áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

[7] Đối với hành vi các bị cáo Q và T nhờ đối tượng tên P đi mua ma túy về sử dụng. Qua điều tra, lời khai của các bị cáo xác định các bị cáo Q, T và P không sử dụng ma túy chung với nhau và không xác định được thời gian, địa điểm sử dụng ma túy trái phép nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xem xét xử lý các bị cáo Q và T về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Đối với ông Bùi Mai Gia H1 cho bị cáo Q mượn xe mô tô biển số 59N3-618.58. Qua điều tra xác định ông H1 không biết các bị cáo Q, T đi dùng xe làm phương tiện phạm tội; và ông Trần Minh K không biết việc các bị cáo Q, T bàn bạc nhau đi cướp giật tài sản tại nhà của K nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý ông H1, ông K, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Đối với ông Phạm Ngọc Thế L là nhân viên tiệm cầm đồ Quốc Bảo nhận số tiền 800.000 đồng do đối tượng T2 mang đến chuộc chiếc điện thoại hiệu Samsung A20 nhưng ông L không biết đây là tiền do bị cáo Q phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh không có cơ sở xử lý ông L về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[10] Đối với đối tượng tên P và T2 do chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh truy xét, khi nào làm rõ được sẽ xử lý sau, Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[11] Xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với 02 USB chứa video ghi nhận hình ảnh liên quan vụ cướp giật tài sản do các bị cáo Q, T thực hiện tiếp tục lưu giữ vào vụ án.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc biển số 59N3-618.58 do ông Bùi Mai Gia H1 đứng tên chủ sở hữu, ông H1 không biết việc các bị cáo mượn xe làm phương tiện phạm tội nên không có lỗi, Cơ quan điều tra đã giao trả xe cho ông H1 theo Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu được lập vào hồi 11 giờ 20 phút ngày 06/3/2024, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với điện thoại di động hiệu Samsung A20 (đã qua sử dụng) thu giữ của bị cáo Lưu Văn Q, xét đây là tài sản của bị cáo Q không liên quan đến vụ án, Hội đồng tuyên trả lại cho bị cáo Q, tuy nhiên cần giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền 800.000 đồng do ông Nguyễn Thanh T1 là quản lý tiệm cầm đồ Quốc Bảo giao nộp. Xét đây là tiền của bị cáo Q do phạm tội mà có (bán điện thoại cướp giật), Hội đồng xét xử tuyên tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước là phù hợp.

[12] Về dân sự:

Bị hại ông Vũ Văn G vắng mặt tại tòa, lời khai tại Cơ quan điều tra ông G yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 10 triệu đồng tương đương giá trị điện thoại các bị cáo chiếm đoạt. Tại phiên tòa các bị cáo đồng ý mỗi bị cáo bồi thường cho ông G số tiền 5 triệu đồng, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông Nguyễn Thanh T1 không yêu cầu bị cáo Q bồi thường số tiền 800.000 đồng mà T2 đã chuộc điện thoại giúp bị cáo Q, Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm d Khoản 2 Điều 171; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lưu Văn Q.

Căn cứ vào điểm d Khoản 2 Điều 171; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Văn T.

Căn cứ vào Điều 47; điểm b Khoản 3 Điều 106; Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, Điều 585; Điều 587; Điều 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Lưu Văn Q 05 (năm) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2023.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2023.

Về vật chứng:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 800.000 đồng.

Tạm giữ của bị cáo Lưu Văn Q 01 điện thoại di động hiệu Samsung A20 (đã qua sử dụng) để đảm bảo thi hành án.

(các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng được lập vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 09/4/2024 giữa Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh và Công an huyện Bình Chánh. Riêng số tiền 800.000 đồng đang tạm giữ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Nam Thành phố theo Giấy nộp tiền ngày 19/3/2024).

Về dân sự:

Buộc bị cáo Lưu Văn Q phải bồi thường thiệt hại cho bị hại ông Vũ Văn G số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Buộc bị cáo Phạm Văn T phải bồi thường thiệt hại cho bị hại ông Vũ Văn G số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Việc các bị cáo bồi thường cho bị hại phải thực hiện ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện việc thi hành án thì còn phải trả thêm tiền lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và mỗi bị cáo chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại tòa

được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- CA H. BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Sở Tư pháp, TP. HCM;
- Phòng hồ sơ, CA TP. HCM PV06;
- Trại tạm giam đang giam, giữ bị cáo;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT
XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ
TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Sơn

2AAKKBO*βγφχαδ+